LAM PHU VINA

Give Credibility Receive Trust



CATALOGUE

2026



LAM PHU VINA TST CO., LTD

Head Office: 279A Truong Thi Hoa Str., Tan Thoi Hiep Ward, HCMC
Branch Ha Noi: Lot CN1, CN6 Road, Tu Liem Small and Medium-sized Industrial Cluster, Xuan Phuong Ward, Hanoi City
Tel: (84.28) 3815 2598 - Fax: (84.28) 3814 3804
Hotline : 0938 923778 (Mr. Khoa) & 0908 021514 (Ms. Thư)
Email: khoa@lamphutech.com ; thu@lamphutech.com
Web: https://lamphutech.com

LAM PHU VINA

Give Credibility Receive Trust

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH
COMPANY HISTORY

2017

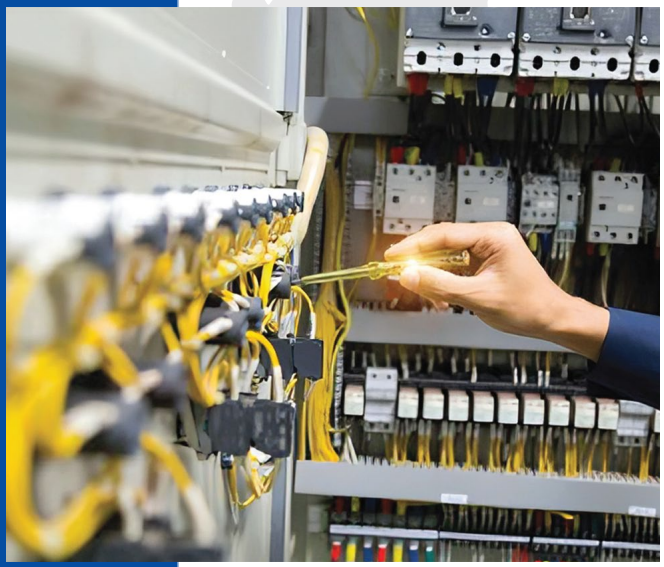
Công Ty TNHHH TMDV Kỹ Thuật Lâm Phú được thành lập năm 2017, có trụ sở tại quận Tân Bình,Thành Phố Hồ Chí Minh .

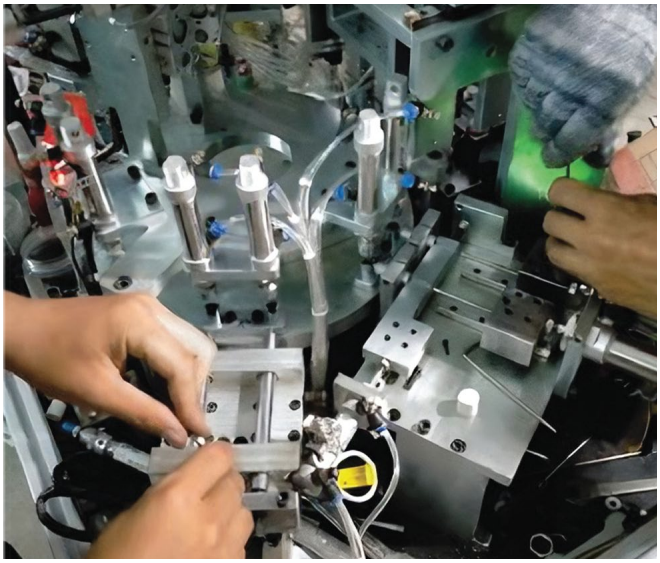
Lam Phu Technical Service Trading Company Limited was established in 2017. Headquartered in Tan Binh district, Ho Chi Minh City.

2023

Thành lập Chi nhánh thứ 1: Tại quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Opened the first branch in District 12, Ho Chi Minh City.



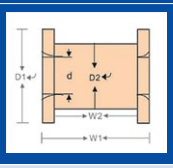


1 WIRE CUT FOR EDM MACHINES
(DÂY CẮT CHO MÁY CẮT DÂY EDM)



SPECIFICATION - 1							
Code	**Dia.(mm)**	**P3**	**P5**	**P15**	**D125**	**D160**	**D200**
Brass Wire (Hard 900–1080N) Brass Wire (Soft : 500 – 600 N)	0.07 - 0.33	○	○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○
Zinc coated Wire (Standard type) • Cắt nhanh hơn 15% so với dây đồng. • Dây OSAKA tập trung vào tốc độ nhanh và cắt chinh xác. • 100% đồng nguyên chất.	0.07 - 0.33	○	○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○

SPECIFICATION - 2
Chemical Composition: Cu65/Zn35% , Or Cu60/Zn40%
Elongation: 3% (Hard Wire), 1-2 % (Soft Wire), 2-3% (Coated Wire)
Conductivity: 24%
Diameter Tolerance : -0.001 ~ +0.001 mm
Coated Layer : Zn 0.001 ~ 0.002 um
Tensile Strength : 900 ~ 1080 N/m^2 (Hard Wire), 500 – 600N/ m^2 (Soft Wire)

SPOOL TYPE						
Type 	**Dimension**				**Weight (KG) per spool**	**Spool no. In box**
	D1	**D2**	**W1**	**d**		
P3	130	80	110	20	3	6
P5	160	90	114	20	5	4
P10	200	90	135	25	10	2
P20	250	110	140	33	20	1

2 FILTERS FOR EDM MACHINES
(BỘ LỌC CHO MÁY EDM)

2.1 WATER FILTER ELEMENTS FOR WIRE EDM MACHINES
(Lọc nước cho máy cắt dây EDM)



The dielectric used in wire EDM machines must be cleaned of the particles collected during the erosion processes. Our range of filter elements have been proven for years for super-fine filtration of dielectric and deionized water.

Chất điện dung dùng trong máy cắt dây EDM phải được sạch sẽ trong suốt quá trình ăn mòn. Lọc nước của chúng tôi đã được minh chứng qua nhiều năm về độ siêu mịn của lưới lọc chất điện dung và nước khoáng.

ĐẶC ĐIỂM

- For wire EDM Machines *(Dùng cho máy cắt dây EDM)*
- Availability of corrosion-proof materials *(Dùng cho những vật liệu bị ăn mòn điện cực)*
- Long service life with increased filtering surface area *(Thời gian phục vụ lâu dài vì tăng bề mặt lọc)*
- Filter fineness range from 3-5 microns *(Độ mịn của lọc từ 3 ~ 5 Micron)*

Super Filter For Wire EDM



Super 250A	Super 250AK	Super 340F	Super 340FK	Super 340FK-1	Super 500A	Super 340CS
300x29x250	300x250	340x46x300	340x300	340x300	300x29x500	340×450
Mitsubishi, Brother, Hitachi	Mitsubishi, Makino Hitachi	Charmilles Fanuc Sodick	Hitachi, Mitsubishi, Makino, Hitachi, Seibu	Fanuc	Brother, Hitachi, Mitsubishi	Fanuc, Agie Charmilles

Water Filter



SW-02
140x34x350
Japax Seibu, Sodick



SW-17
260x29x340
Hitachi, Mitsubishi, Sodick



SW-17A
260x46x340



SW-20
300x29x500
Mitsubishi, Brother



SW-23
260x37x280
SodickSodick



SW-23A
260x46x280
Makino



SW-26
340x45x450
Fanuc



SW-27
260x46x400
Brother



SW-37
340x46x450
Japax Fanuc, Sodick



SW-40
300x59x500
Hitachi, Mitsubishi, Seibu, Taiwan Machine



SW-41
300x29x250
Mitsubishi, Brother



SW-42
340x46x300
Fanuc, Sodick



SW-43.45.46
340x46x300
Mitsubishi



SW-43-1
340x46x300
Fanuc



H15190/16
150x32x365
Agie - Charmilles

2.1 OIL FILTER ELEMENT FOR DIE SINKING MACHINES
(Lọc dầu cho máy bắn điện cực EDM)

Oil Filter				
				
SO-04	**SO-08**	**SO-09**	**SO-10**	**SO-12**
150 x 34 x 345	260x37x280	260x46x280	260x37x340	150x72x450
Agie - Charmilles	Japax - Sodick	Makino	Hitachi	AMADA, Japax, Makino, Seibu, Sodick
				
SO-18M	**SO-18**	**SO-24**	**SO-34**	**SO-36**
150x36x350	150x34x350	260x29x340	300x46x340	300x59x500
Sodick Fast wirecut 0.18	Mitsubishi - Hitachi	Mitsubishi- Makino	Hitachi	Mitsubishi
				
SO-42	**SO-300FK**	**FL-5/FL-10**	**SO-18M-1**	**SO-24-1**
300x46x330	300x300	150x32x365	150x36x300	260x46x400
Mitsubishi	Mitsubishi	Agie - Charmilles	Sodick	Sodick

3 ION EXCHANGE RESIN
(HỖN HỢP TRAO ĐỔI ION CHO MÁY EDM)





This resin is a homogeneous mixture of a strongly acidic cation exchanger in the H+ form with a strongly basic anion exchanger in the OH- form. It is mainly characterized by a high cationic exchange capacity. The resin contains no dye indicator to show exhaustion of the resin and a conductivity meter is needed to monitor the treated water quality and the exhaustion endpoint.

Hạt Resin này là hỗn hợp đồng nhất về sự trao đổi giữa Ion acid mạnh H+ với các nguyên tử mạnh OH-. Đó là đặc điểm chủ yếu về khả năng trao đổi Ion cao. Bột Resin không nhuộm màu khi hút ẩm và sự dẫn suất liên quan đến chất lượng nước và sự hút của điểm cuối.

Properties

Ionic form as shipped	H+ /OH-
Shipping weight	745g/Litre
Checmical stability	Insoluble in water, dilute solution of acids and bases or common solvents
Structure	Get type beads

Packing & Part Number

Item No.	Approx. Net Weight (kg)	Packing
909 319 001	3.4	5L/Bag
909 312 038	6.7	10L/Bag
909 312 041	17	25L/Bag

4 RUST REMOVER & MECHA PROOF







5 SPARE PARTS FOR EDM MACHINE







Đồng điện cực/ Đồng đỏ thanh, Đồng đỏ phi tròn

15x15	15x120	20x80	25x60	30x70	40x50
15x20	20x20	20x100	25x70	35x35	40x60
15x25	20x25	20x120	25x80	35x40	45x45
15x30	20x30	25x25	30x30	35x45	45x50
15x35	20x35	25x30	30x35	35x50	45x60
15x50	20x40	25x35	30x40	35x55	50x50
15x60	20x45	25x40	30x45	35x60	
15x80	20x50	25x45	30x50	40x40	
15x100	20x60	25x50	30x60	40x45	

12x150	30x100	40x80	50x70	60x80	70x150
15x150	30x120	40x100	50x80	60x100	80x80
20x150	30x150	40x120	50x90	60x120	80x150
25x100	35x70	40x150	50x100	60x150	90x90
25x110	35x80	45x70	50x120	60x160	100x100
25x120	35x100	45x80	50x150	65x150	100x120
25x130	35x120	45x100	50x160	70x70	10x150
25x150	37x43	45x150	55x160	70x80	10x160
30x80	40x70	50x60	60x60	70x100	

Quy cách trên + 10.000đ/kg

Đồng phi trồn/ Đồng đỏ phi tròn

Φ10	Φ18	Φ35	Φ48	Φ70
Φ12	Φ20	Φ36	Φ50	Φ80
Φ14	Φ22	Φ40	Φ55	Φ90
Φ15	Φ25	Φ42	Φ60	Φ100
Φ16	Φ30	Φ45	Φ65	Φ110
				Φ120

Quy cách trên + 10.000đ/kg

Φ5	2x15	Băng 3x25
Φ6	3x10	Băng 3x30
2x6	3x12	Cạnh tròn 3x15
2x7.5	3x15	Cạnh tròn 3x20
2.5x10	3x20	

Quy cách trên +5.000đ/kg

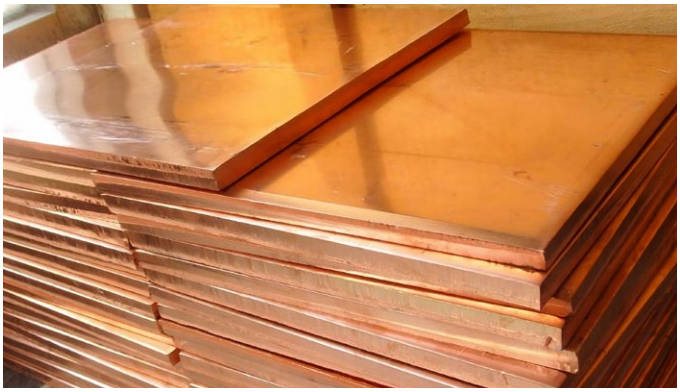
Đồng thanh cái cạnh vuông/ Đồng đỏ thanh cái

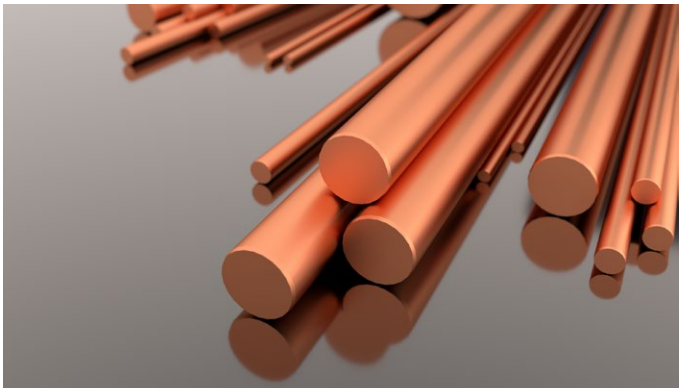
3x25	4x30	5x30	6x20	6x100	8x50
3x30	4x40	5x40	6x30	6x110	8x60
3x40	4x50	5x50	6x40	7x42	8x80
3x50	4x60	5x60	6x50	8x20	8x100
4x15	5x15	5x80	6x60	8x25	8x110
4x20	5x20	5x100	6x80	8x30	10x10
4x25	5x25	5x125	6x84	8x40	10x15

10x20	10x100	12x50	8x200
10x25	10x110	12x100	10x200
10x30	10x120	12x120	15x200
10x40	10x125		20x200
10x50	10x130		25x200
10x60	12x12		30x200
10x80	12x45		35x200

Quy cách trên + 25.000đ/kg

6 COPPER SHEET AND ROD C1100





ĐỒNG BERYLLIUM C17200

Trong sự phát triển của nền công nghiệp ngày nay, hợp kim đồng bery được sử dụng trong các lĩnh vực hàng không, vũ trụ, điện tử, cơ khí, ô tô, hóa chất và các thiết bị gia dụng. Nhờ vào tính ứng dụng cao mà đồng hợp kim bery được nhiều cơ sở sản xuất lựa chọn sử dụng, Ngoài những ứng dụng trên thì đồng hợp kim bery còn là nguyên liệu chính để tạo ra các bộ phận như hộp số, bình chịu áp lực, linh kiện âm thanh, đầu nối điện,... Đồng hợp kim Bery ngày càng được ứng dụng trong nhiều ngành nghề nhờ ưu điểm gia công không tóe lửa, kim loại cứng, nhẹ , chống ăn mòn và nóng chảy ở nhiệt độ cao và giá thành phù hợp, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.



ĐỒNG BERYLLIUM C17510



Đồng Beryllium C17510 ứng dụng vào các quy trình hàn như hàn thiếc, hàn điện, hàn hồ quang có khí bảo vệ, hàn giáp mép, hàn đường nối, hàn hồ quang kim loại phủ và hàn điểm được khuyến nghị cho hợp kim đồng C17510. Hàn oxyacetylene không được khuyến khích cho hợp kim này. Hợp kim đồng C17510 có thể được gia công nóng trong khoảng từ 648 đến 885 độ C.

Hợp kim đồng berili C17510 rất được ưa chuộng vì chúng có khả năng chống ăn mòn và đặc tính đồng của nó là hiệu suất cao và độ bền cao.

ĐỒNG CROM (CuCr) C18150

Đồng Crom có tên gọi khác là hợp kim đồng Chromium, thành phần chủ yếu là đồng với tỷ lệ 98%, Crom chiếm khoảng 0.6 -1/2 Cr, còn lại là các kim loại khác.

Đồng crom có tính chống ăn mòn tốt, độ cứng cao hơn đồng đỏ nguyên chất nhiều nên được ứng dụng trong nhiều chi tiết máy, thiết bị .v.v.



7 DÂY CẮT MOLIPDEN



DÂY MOLYBDENUM HONGLU Ø0.18MM

Dây molybdenum hiệu suất cao, chuyên dùng cho gia công chính xác và cắt liên tục công suất lớn.

Phù hợp sản xuất với cường độ cao và yêu cầu kỹ thuật khắt khe.

Độ ổn định tia lửa cao, hạn chế rung và hao mòn dây.

Giúp bề mặt gia công mịn và sai số thấp hơn.

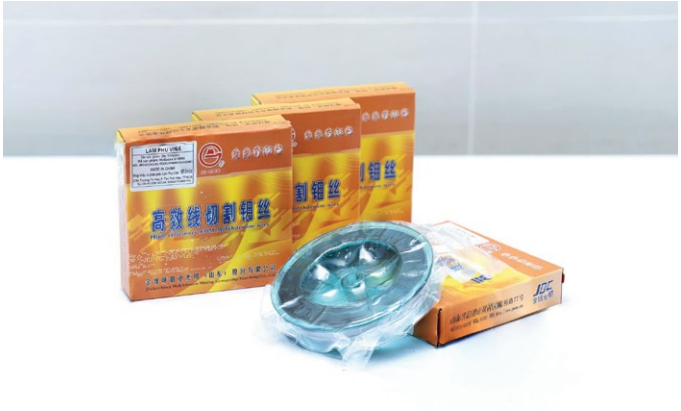
Lựa chọn lý tưởng cho khuôn mẫu và chi tiết yêu cầu độ chính xác cao.

Thông số kỹ thuật:

- Kích thước: Ø0.18 mm x 2000 m
- Khối lượng: ~536 g/cuộn
- Quy cách đóng gói: Hộp giấy
- Ứng dụng: Dùng cho máy cắt dây EDM hệ molipden



DÂY MOLYBDENUM JDC GUANGMING Ø0.18MM



Dây molybdenum chất lượng ổn định, phù hợp cho xưởng gia công sản xuất thường xuyên.

Đáp ứng tốt nhu cầu cắt khuôn mẫu và chi tiết cơ khí phổ thông.

Tia lửa đều, hạn chế đứt dây khi vận hành liên tục.

Đảm bảo hiệu suất cắt và độ chính xác ổn định.

Giải pháp tối ưu chi phí cho sản xuất lâu dài.

Thông số kỹ thuật:

- Vật liệu: Molybdenum (Mo) tinh khiết ≥ 99.6 – 99.95%
- Đường kính: Ø0.18 mm
- Chiều dài cuộn: 2000 m
- Ứng dụng: Điện cực cho máy cắt dây EDM, gia công khuôn và chi tiết khó

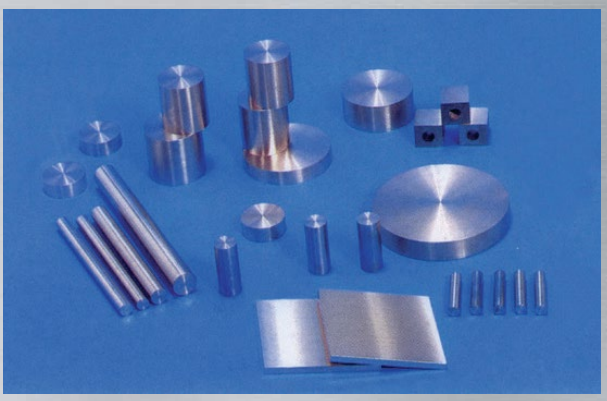
ĐỒNG TUNGSTEN:

Ứng dụng cho gia công thép cứng trên 60 HRC hoặc thép Carbide

Electrode Materials for Die Sinking Machine

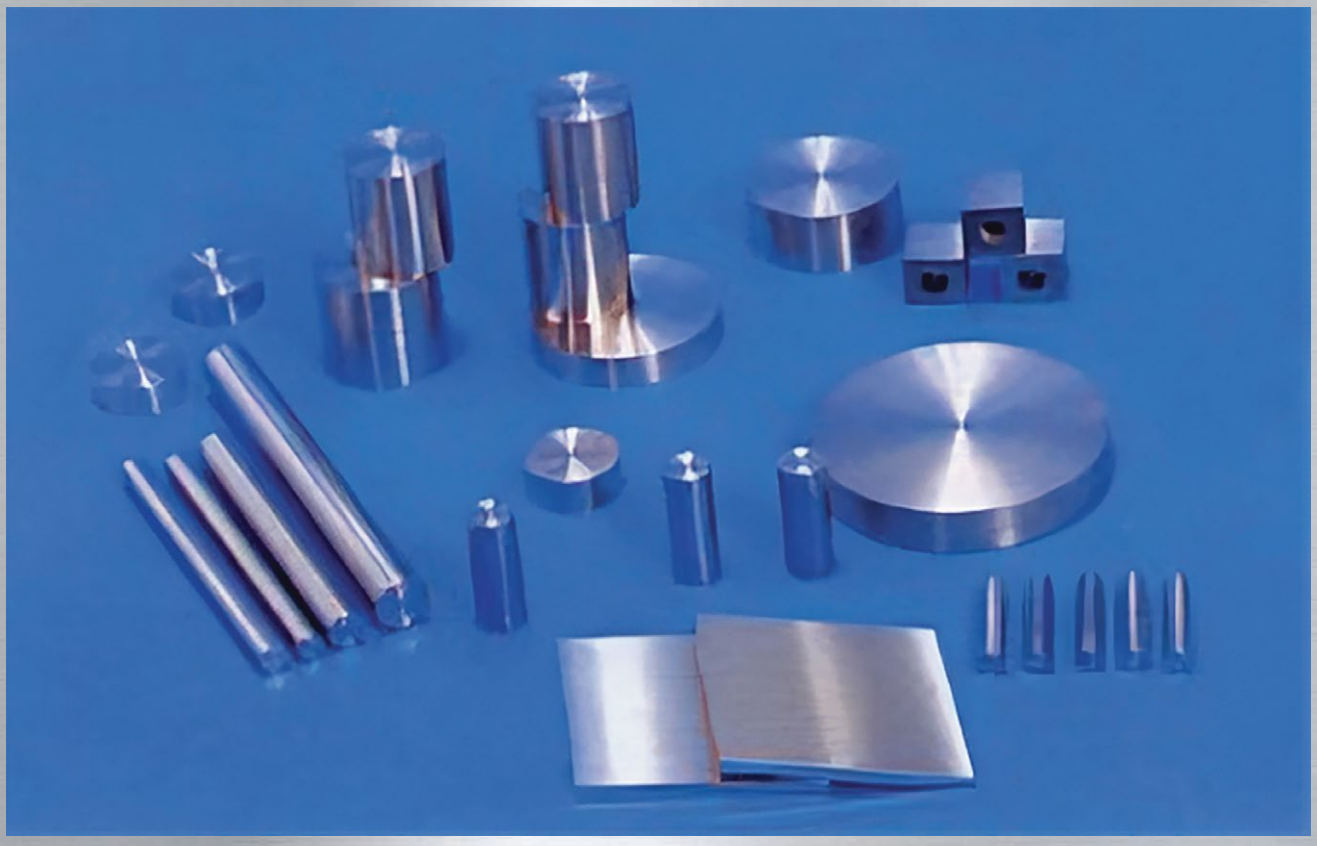
型彫放電加工用電極材料

銅ータングステン合金、銀ータングステン合金は一般に加工面の面精度や寸法精が要求される場合に優れた加工性能を示します。
安定した放電を維持し、加工速度が速く、電極消耗が低減します。
特殊な電極材料も取り扱っておりますのでお問い合せ下さい。



SPECIFICATION

	Copper Tungsten	Silver Tungsten
Specific Gravity（g/cm³）	14～14.2	14.8
Electric Conductivity (IACS%)	48～50	53
Hardness（HRB）	93～93.5	91



ĐỒNG TUNGSTEN:

Ứng dụng cho gia công thép cứng trên 60 HRC hoặc thép Carbide

COPPER TUNGSTEN ELECTRODE

ROUND BAR

ϕ	50L	ϕ	50L	ϕ	50L
1	●	11	●	21	●
2	●	12	●	22	●
3	●	13	●	23	●
4	●	14	●	24	●
5	●	15	●	25	●
6	●	16	●	26	●
7	●	17	●	27	●
8	●	18	●	28	●
9	●	19	●	29	●
10	●	20	●	30	●

PLATE

T	50X50	100X100
5	●	●
10	●	●
15	●	●
20	●	●
25	●	●

SILVER TUNGSTEN ELECTRODE

ROUND BAR

ϕ	50L	ϕ	50L	ϕ	50L
1	●	11	●	21	●
2	●	12	●	22	●
3	●	13	●	23	●
4	●	14	●	24	●
5	●	15	●	25	●
6	●	16	●	26	●
7	●	17	●	27	●
8	●	18	●	28	●
9	●	19	●	29	●
10	●	20	●	30	●

PLATE

T	50X50	T	50X50
1	●	6	●
2	●	7	●
3	●	8	●
4	●	9	●
5	●	10	●

COPPER TAPPING ELECTRODE

VIBRATE TYPE

Unit : mm
Tolerance : +0.01/-0

Tapping Size	Pitch	Tapping L	Total L
M3	0.5	40	60
M4	0.7	40	60
M5	0.8	40	60
M6	1.0	40	60
M8	1.25	40	60
M10	1.5	40	60
M12	1.75	40	60



COPPER TUNGSTEN TAPPING ELECTRODE

VIBRATE TYPE

Unit : mm
Tolerance : +0.01/-0

Tapping Size	Pitch	Tapping L	Total L
M2 ※	0.4	20	50
M2.5	0.45	45	60
M3	0.5	45	60
M4	0.7	45	60
M5	0.8	43	60
M6	1.0	43	60
M8	1.25	43	60
M10	1.5	43	60
M12	1.75	43	60

※穴なし（Without hole）

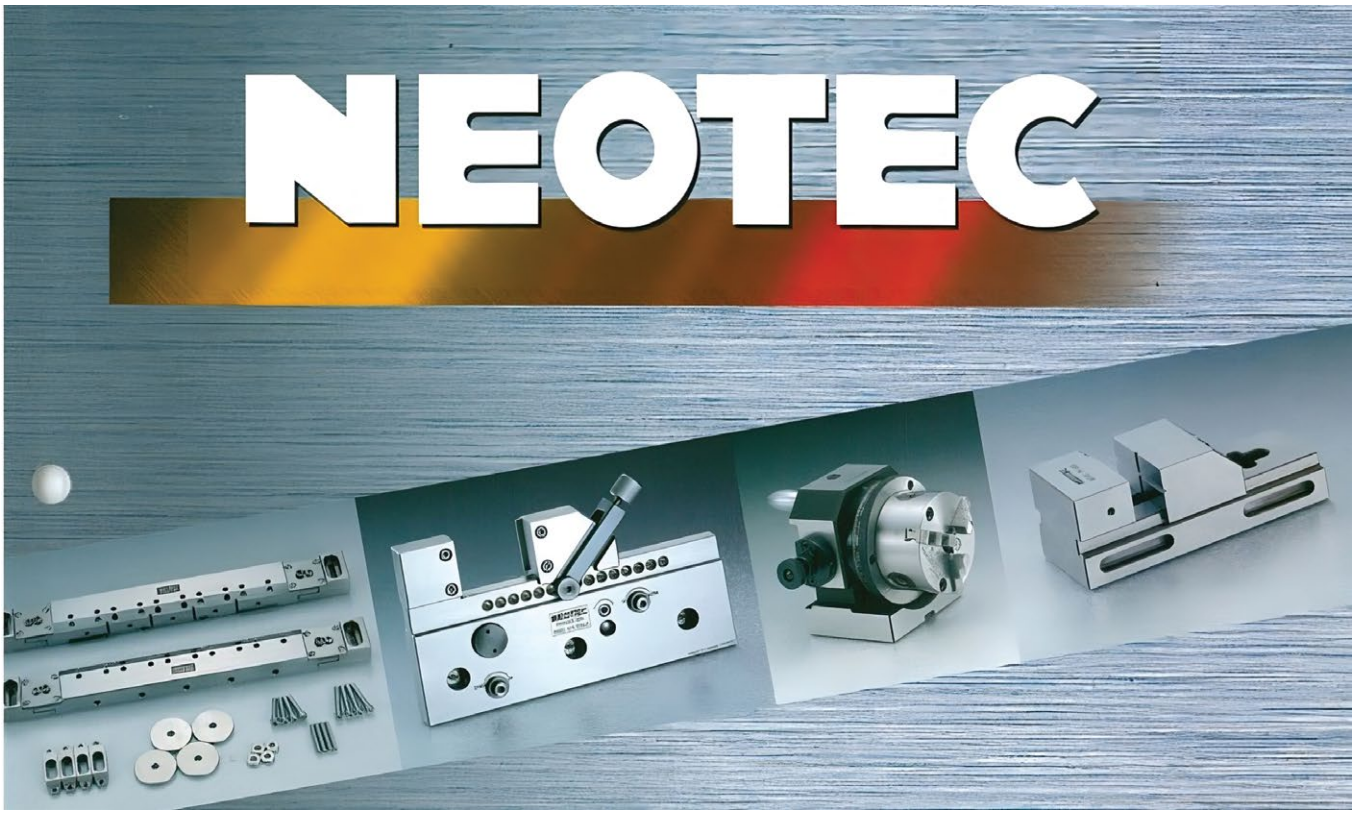


8 THÉP HỢP KIM EVERLOY (EVERLOY CEMENTED CARBIDE TOOLS)



KD Grade	**Fine-grain cemented carbide** For grinding process Improved chipping resistance. Use of mold parts for semiconductors.	**KD Grade**	**Carbide Dạng Mịn** Đối với quá trình mài Cải thiện khả năng chống sứt mẻ. Sử dụng cho phụ tùng khuôn bán dẫn.
KX01	**Special Grade** For stainless processing Improved life of metals molds. For stamping of stainless-steel products.	**KX01**	**Carbide Đặc Biệt** Dùng cho Thép không gỉ Cải thiện tuổi thọ của khuôn. Để dập các phụ tùng thép không gỉ.
WD20	**Special Grade** For WEDM (warter cutting) Improved corrosion resistance. For mold parts processed by WEDM (water cutting).	**WD20**	**Carbide Đặc Biệt** Sử dụng cho cắt dây, bắn điện (WEDM) Cải thiện khả năng chống ăn mòn. Ứng dụng cho các phụ tùng khuôn gia công bởi cắt dây, bắn điện (WEDM)
MC20	**Special Grade** For soft marterials Decreasing the affinity of cobalt to soft material. Good performance for stamping of pure iron and copper.	**MC20**	**Carbide Đặc Biệt** Cho vật liệu mềm Giảm lượng cobalt làm cho vật liệu mềm hơn. Hiệu quả cho dập đồng và Sắt nguyên chất.
SS Grade	**Special Grade** For high wear-resistant Extremely high hardness and high wear resistance. For sand blast nozzles and descaling nozzles.	**SS Grade**	**Carbide Đặc Biệt** Chống mài mòn cao Độ cứng cao và rất cao, khó mài mòn. Ứng dụng cho vòi phun và vòi khử cặn.
EF Grade	**Micro-grain cemented carbide** For cutting tools Thin plate and high speed stamping. Use of mold parts for semiconductors.	**EF Grade**	**Carbide dạng hạt Micro** Ứng dụng cho dụng cụ cắt Tấm mỏng và dập tốc độ cao. Sử dụng cho các bộ phận khuôn ngành bán dẫn.
A10W	**Special Grade** For EDM/WEDM EDM/WEDM processing. Improved crack resistance.	**A10W**	**Carbide Đặc Biệt** Dùng cho EDM/WEDM Cải thiện khả năng chống nứt
ME40	**Special Grade** For EDM/WEDM 5x the corrosion resistance of general use material G5. For corrosion and electrical discharge resistance processing.	**ME40**	**Carbide Đặc Biệt** Ứng dụng cho máy EDM/WEDM Đặc tính chống ăn mòn gấp 5 lần G5 thông thường. Ứng dụng cho chống ăn mòn và EDM.
KN20	**Special Grade** Nonmagnetic cemented carbide Nonmagnetic and anti-erosive cemented carbde. For magnetic field forming and electronic molds.	**KN20**	**Carbide Đặc Biệt** Không từ tính và chống ăn mòn Không từ tính với khả năng chống ăn mòn và nhiệt vượt trội. Ứng dụng trong khuôn từ trường, Dụng cụ băng từ, thiết bị điện tử.
EW Grade	**Special Grade** High-hardness, High-toughness and Corrision-resistant Cemented Carbide	**EW Grade**	**Carbide Đặc Biệt** Độ cứng cao, độ bền cao và chống ăn mòn Ứng dụng cho các bộ phận chịu mài mòn với khả năng sứt mẻ, nứt, các bộ phận chịu mài mòn khi gia công bắn điện.

9 PRECISION TOOLING FOR MOLD AND DIES – NEOTEC



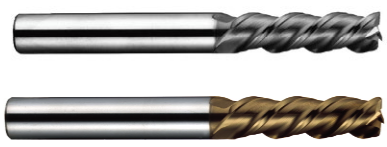
10 PRAPHITE (THAN ĐIỆN CỰC) – TOYO TANSO

			
Isotropic Graphite	C/C composite	Graphite Sheets	Mechanical Carbon
			
Carbon Brush	Porous Carbon	Surface Treatment	New Developed Products

11 CUTTING TOOLS

C.K.K TOOL





Square End Mills

Coner Radius End Mills



Ball Nose End Mills



Long Neck End Mills



Helix Roughing End Mills



Chamfering End Mills



Drills



LAM PHU VINA TST CO., LTD

Rep.Office : 279A Truong Thi Hoa Str., Tan Thoi Hiep Ward, HCMC, Viet Nam
Branch : Lot CN1, CN6 Road, Tu Liem Small and Medium-sized Industrial Cluster, Xuan Phuong Ward, Hanoi City, Viet Nam
Tel : (84.28) 3815 2598 - Fax: (84.28) 3814 3804

Contact

Sales Director : Mr. Khoa – Mobile: 0938 923778 - Email: khoa@lamphutech.com
Sales Person : Ms. Thư – Mobile: 0908 021514 - Email: thu@lamphutech.com

ĐỐI TÁC CỦA CHÚNG TÔI

OUR CUSTOMERS

OSAKA
Electrical Discharge Machining

EVERLOY

NEOTEC

Sodick

MITSUBISHI ELECTRIC
Changes for the Better

+GF+

FANUC

CHMER

MAKINO

TOYO TANSO
Inspiration for Innovation

A-ONE

NGK

TOKUDEN

NS TOOL

XEBEC
BEAUTIFUL DEBURRING

LAM PHU VINA

Give Credibility Receive Trust

CÔNG TY TNHH TMDV KỸ THUẬT LÂM PHÚ VINA

LAM PHU VINA TST CO., LTD

Head Office: 279A Truong Thi Hoa Str., Tan Thoi Hiep Ward, HCMC

Branch Lot CN1, CN6 Road, Tu Liem Small and Medium-sized Industrial Cluster, Xuan Phuong Ward, Hanoi City

Tel: (84.28) 3815 2598 - Fax: (84.28) 3814 3804

Hotline : 0938 923778 (Mr. Khoa) & 0908 021514 (Ms. Thư)

Email: khoa@lamphutech.com ; thu@lamphutech.com

Web: https://lamphutech.com

